TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 10 - 02- 2026
"V/việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Ông Phạm Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại Hội trường xét xử số 3, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 12/2026/QĐST – HNGĐ ngày 21/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trịnh Thị O; sinh năm: 1984; nơi đăng ký thường trú: tổ B, khu C, phường T, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt)

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn D; sinh năm: 1985; nơi đăng ký thường trú: tổ B, khu C, phường T, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Trịnh Thị O trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị O đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn D ngày 12/09/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường T, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tìm được

tiếng nói chung. Hiện giữa chị Trịnh Thị O và anh Nguyễn Văn D đã sống ly thân một thời gian từ tháng 3 năm 2025 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy mâu thuẫn đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trịnh Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: giữa chị Trịnh Thị O và anh Nguyễn Văn D có 02 người con chung là Nguyễn Thành D1, sinh ngày 12/7/2008 và Nguyễn Chí S, sinh ngày 31/10/2016. Khi ly hôn chị O đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Chí S đến khi con chung thành niên và giao con chung là cháu Nguyễn Thành D1 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn D không đến Toà làm việc, không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy ý kiến nguyện vọng của các con chung ngày 05/11/2025: cháu Nguyễn Thành D1 mong muốn ở với bố, còn cháu Nguyễn Chí S mong muốn ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2025, ông Trần Văn X – Trưởng khu C, phường T xác nhận có nội dung: chị Trịnh Thị O và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2007. Sau khi kết hôn đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không còn tình cảm với nhau, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, khó có khả năng đoàn tụ; về con chung: giữa chị O và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thành D1 và Nguyễn Chí S, hiện anh D làm nghề lái xe, còn chị O làm nghề bán hàng tự do.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc chấp hành pháp luật: quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 và đã được Toà án triệu tập hợp lệ, còn nguyên đơn chị Trịnh Thị O vắng mặt nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị O với anh Nguyễn Văn D, chị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn D; về con chung: đề nghị Toà án giao con chung là cháu Nguyễn Thành D1 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Duy thành N và giao con chung là cháu Nguyễn Chí S cho chị Trịnh Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi

cháu S thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Nguyên đơn là chị Trịnh Thị O khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D và đề nghị giải quyết về nuôi con khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại: tổ B, khu C, phường T, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh theo quy định tại: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và hoà giải đối thoại tại Toà án năm 2025.

Nguyên đơn là chị Trịnh Thị O vắng mặt nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Căn cứ vào bản tự khai của đương sự, biên bản xác minh và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị O đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn D ngày 12/09/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường T, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, không còn tình cảm yêu thương quý trọng lẫn nhau. Hiện chị Trịnh Thị O và anh Nguyễn Văn D đã sống ly thân một thời gian từ tháng 3 năm 2025 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh D đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị O; chị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: giữa chị Trịnh Thị O và anh Nguyễn Văn D có 02 người con chung là Nguyễn Thành D1, sinh ngày 12/7/2008 và Nguyễn Chí S, sinh ngày 31/10/2016. Hiện anh Nguyễn Văn D đang làm nghề lái xe, chị Trịnh Thị O làm nghề bán hàng tự do, cả anh D và chị O đều có khả năng và điều kiện nuôi con chung. Nguyện vọng của cháu D1 muốn ở với bố là anh Nguyễn Văn D, còn nguyện vọng của cháu S muốn ở với mẹ là Trịnh Thị O. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và phù hợp với nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Chí S cho chị Trịnh Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung là cháu S

thành niên và giao con chung là cháu Nguyễn Thành D1 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung là cháu Duy thành N, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Các bên có quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật

Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị Trịnh Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: nguyên đơn chị Trịnh Thị O phải chịu án phí hôn ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 264; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và hoà giải đối thoại tại Toà án năm 2025); khoản 1 Điều 56; Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X1:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là chị Trịnh Thị O với bị đơn là anh Nguyễn Văn D.

Chị Trịnh Thị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Thành D1, sinh ngày 12/7/2008 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung là cháu Duy thành N (đủ 18 tuổi); giao con chung là cháu Nguyễn Chí S, sinh ngày 31/10/2016 cho chị Trịnh Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung là cháu S thành niên (đủ 18 tuổi). Các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục con chung.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Buộc nguyên đơn là chị Trịnh Thị O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Trịnh Thị O đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0001075 ngày 09 tháng 10

năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Trịnh Thị O đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSNDKV1 - QN;*
- *THADS tỉnh Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *UBND p.Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng